

**CÔNG TY TNHH BẤT ĐỘNG SẢN KIM CƯƠNG DIAMOND LAND**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH BẤT ĐỘNG SẢN KIM CƯƠNG DIAMOND LAND

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: DIAMOND LAND REAL PROPERTY COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: DIAMOND LAND LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110481056

**3. Ngày thành lập:** 19/09/2023

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 51 Phố Phan Kế Bính, Phường Cống Vị, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0779073333

Fax:

Email: [diamondland.smc@gmail.com](mailto:diamondland.smc@gmail.com) Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                     | Mã ngành |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                         | 4322     |
| 2.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                                                | 4329     |
| 3.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                | 4330     |
| 4.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết:<br>(Loại trừ hoạt động đấu giá)<br>- Đại lý bán hàng hóa;<br>- Môi giới mua bán hàng hóa.                                                                     | 4610     |
| 5.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                             | 4669     |
| 6.  | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan                                                                                                                                                            | 6311     |
| 7.  | Cổng thông tin<br>Loại trừ: Hoạt động báo chí                                                                                                                                                                 | 6312     |
| 8.  | Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Các dịch vụ thông tin qua điện thoại;<br>- Các dịch vụ tìm kiếm thông tin thông qua hợp đồng hay trên cơ sở phí;                              | 6399     |
| 9.  | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư;<br>(Loại trừ: Các hoạt động thỏa thuận và giải quyết các giao dịch tài chính, bao gồm giao dịch thẻ tín dụng) | 6619     |
| 10. | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê<br>Chi tiết: Kinh doanh bất động sản                                                                                    | 6810     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |             |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 11. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết: Dịch vụ môi giới bất động sản;<br>Dịch vụ tư vấn, quản lý bất động sản;<br>Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản.<br>(Trừ đấu giá tài sản)                                                                                                                                                                                                        | 6820(Chính) |
| 12. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết:<br>- Hoạt động kiến trúc                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 7110        |
| 13. | Quảng cáo<br>Loại trừ các mặt hàng nhà nước cấm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 7310        |
| 14. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận<br>(Trừ các loại thông tin Nhà nước cấm và dịch vụ điều tra)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 7320        |
| 15. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 7410        |
| 16. | Bán buôn tổng hợp<br>(Loại trừ: Hàng hóa nhà nước cấm).                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4690        |
| 17. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4719        |
| 18. | Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng lưu động hoặc tại chợ;<br>- Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn lưu động hoặc tại chợ;<br>- Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu lưu động hoặc tại chợ. | 4784        |
| 19. | Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu<br>(Loại trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4799        |
| 20. | Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 8211        |
| 21. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4101        |
| 22. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4102        |
| 23. | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4212        |
| 24. | Xây dựng công trình điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4221        |
| 25. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4222        |
| 26. | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4223        |
| 27. | Xây dựng công trình công ích khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4229        |
| 28. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4321        |

**6. Vốn điều lệ:** 200.000.000 VND

## 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: DUỠNG THÀNH TRUNG

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 04/07/1992 Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001092009953

Ngày cấp: 27/04/2021 Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH

Địa chỉ thường trú: Căn hộ số 816 Chung cư G3d Vũ Phạm Hàm, Phường Yên Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Căn 19 Tầng 8 Tòa S3.01 Khu đô thị Vinhomes Smart City, Phường Tây Mỗ, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: DUỠNG THÀNH TRUNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 04/07/1992 Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001092009953

Ngày cấp: 27/04/2021 Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH

Địa chỉ thường trú: Căn hộ số 816 Chung cư G3d Vũ Phạm Hàm, Phường Yên Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Căn 19 Tầng 8 Tòa S3.01 Khu đô thị Vinhomes Smart City, Phường Tây Mỗ, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội